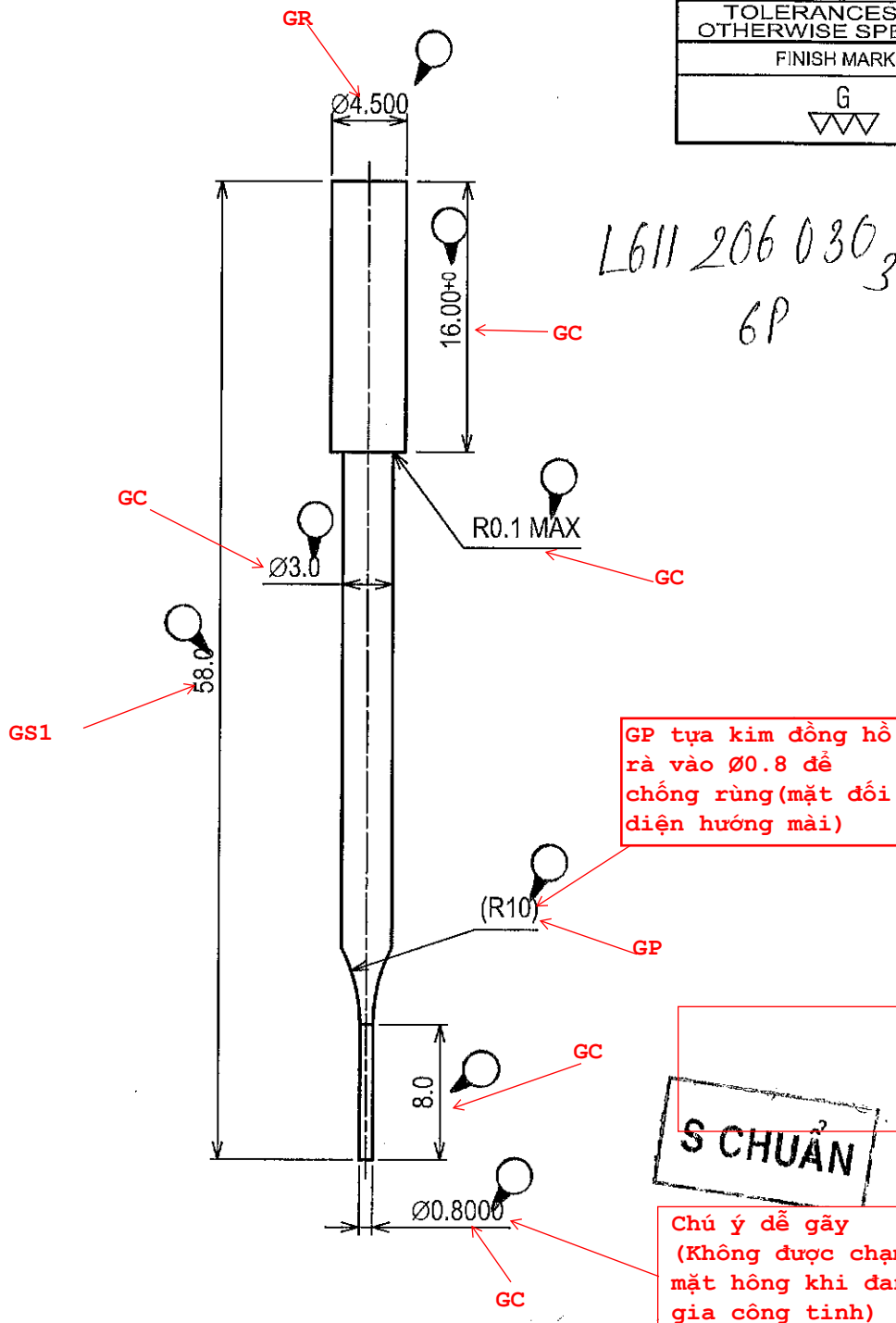


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	2018/10/16	新规设计		Li_Xin_Xin	Cai_Wei_Feng	0.0000	± 0.002	0.000 +0	+0 -0.005
△						0.000	± 0.005	0.000 -0	+0.005 -0
△						0.00	± 0.01	0.00 +0	+0 -0.01
△						0.0	± 0.1	0.00 -0	+0.01 -0
						0.	± 0.2	0.0 +0	+0 -0.1
								0.0 -0	+0.1 -0
						TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED			
						FINISH MARKS			
						G ▽▽▽			



DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME
Li_Xin_Xin	Cai_Wei_Feng	部品図		抜きパンチ
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		BLANKING PUNCH
HRC 0 ° ~ 0 °		部品図		穿孔冲頭
MATERIAL	DATE	SCALE		穿孔冲头
WC(D30/HIP)	2018/10/16	2.5:1		DWG.No.
				R181825

SNO: **R181825**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<b>1.VẬT LIỆU:</b> <b>WCD30</b> <b>Ø6*70</b>	GR:60 GS:20 GC:60 GP:30 KT